

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Ngọc Khanh, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Minh S; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bi đơn: Anh Trần Đình V; Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2024 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Đình V trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến

năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh **V** đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Đình V**.

Về con chung: Chị và anh **Trần Đình V** có hai con chung là **Trần Thị Cẩm L**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2013 và **Trần Đình A**, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung **Trần Thị Cẩm L** cho chị nuôi dưỡng và giao con chung **Trần Đình A** cho anh **V** nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị **Đặng Thị Minh S** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa đã vi phạm các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đặng Thị Minh S** được ly hôn anh **Trần Đình V**. Về con chung: Giao con chung **Trần Thị Cẩm L**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2013 cho chị **Đặng Thị Minh S** trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và giao con chung **Trần Đình A**, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016 cho anh **Trần Đình V** trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không giải quyết. Về án phí: Chị **Đặng Thị Minh S** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Đặng Thị Minh S** khởi kiện ly hôn đối với anh **Trần Đình V**, yêu cầu khởi kiện của chị **S** thuộc trường hợp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh **Trần Đình V** hiện đang cư trú tại **xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng** nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, **T.P H**.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị **Đặng Thị Minh S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh **Trần Đình V** đã được triệu tập họp lệ lần

thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chỉ **Đặng Thị Minh S** và bị đơn anh **Trần Đình V**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị **Đặng Thị Minh S** và anh **Trần Đình V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 01 năm 2013, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Anh **Trần Đình V** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp hòa giải và các phiên tòa không có lý do, điều đó chứng tỏ anh **V** không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị **S** và anh **V** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị **S** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị **Đặng Thị Minh S** và anh **Trần Đình V** có hai con chung là **Trần Thị Cẩm L**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2013 và **Trần Đình A**, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016. Xét, các con chung đều chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh **V** không có quan điểm về việc nuôi con, chị **S** có quan điểm giao con chung **Trần Thị Cẩm L** cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung **Trần Đình A** cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng. Xét quan điểm của chị **S** về việc nuôi con phù hợp với nguyện vọng của các con và để đảm bảo quyền lợi của con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị **S** về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị **Đặng Thị Minh S** có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh **V** không có quan điểm về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Đặng Thị Minh S** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị Minh S** được ly hôn anh **Trần Đình V**.

2. Về con chung: Giao con chung **Trần Thị Cẩm L**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2013 cho chị **Đặng Thị Minh S** trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung **Trần Đình A**, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016 cho anh **Trần Đình V** trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng và tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Đặng Thị Minh S** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị **Đặng Thị Minh S** đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008421 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã Đại Bản;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên